TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2019
V/v: "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông M Văn Thẩm

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 764/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn R, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ô1/79E, khu phố T, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc M, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: B12 C5, đường Đào Duy T, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Khu phố R, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Huỳnh Văn R trình bày:

Anh và chị M bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, ngày cưới không cho nữ trang gì. Trong quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Bùi Huỳnh Như Ý, sinh ngày 03-11-2015, tài sản chung và nợ chung không có.

Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M có quan hệ tình cãm với người khác nên cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn không hạnh phúc, anh khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị M vẫn không thay đổi, hiện vợ chồng không còn tình cãm với nhau và đã sống ly thân

từ tháng 7-2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh và chị M có gặp nhau bàn bạc hàn gắn gia đình nhưng không được, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị Ngọc M trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh R, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng nhiều lần gặp nhau nhưng không cùng quan điểm nên chị cảm thấy không còn khả năng hàn gắn gia đình. Anh R yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị đồng ý cho anh R được quyền nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh R với chị M; giao cho anh R được quyền nuôi dưỡng con chung, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn R và chị Bùi Thị Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh R và chị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Anh R có yêu cầu ly hôn và chị M cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh R với chị M.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 12-12-2019, anh R và chị M thống nhất cho anh R được quyền nuôi dưỡng con tên Bùi Huỳnh Như Ý, sinh ngày 03-11-2015. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Như Ý cho anh R được quyền nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con anh R không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh R phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn R với chị Bùi Thị Ngọc M.

2. Về con chung: Anh R được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Bùi Huỳnh Như Ý, sinh ngày 03-11-2015. Chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh R phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009840 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh R đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Gò Dầu;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui